TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2021.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **P T L** - sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn KX, xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh **N V Q** - sinh năm 1983; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn KX, xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

- *Người làm chứng*: Bà V T P - sinh năm 1949 (mẹ đẻ anh Q).

Địa chỉ: Thôn KX, xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

Chị L, anh Q và bà P đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị L trình bày*:** Chị và anh Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương vào ngày 31/01/2008 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, chị và anh Q sinh sống tại thôn KX, xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương, anh chị đều đi làm công nhân và tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2011, anh Q xuất khẩu đi lao động tại nước Nga cho đến năm 2014 thì về nước mở quán bán hàng ăn, chị vẫn đi làm công ty, hai vợ chồng cùng nhau chăm sóc con cái. Do anh Q không tu chí làm ăn, dẫn đến việc kinh doanh không hiệu quả, kinh tế gia đình sa sút, từ đó vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, không

nói chuyện được với nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Năm 2019, anh Q đi nước ngoài sang Hàn Quốc lao động, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, anh Q có gửi tiền về cho chị để trả nợ, chăm sóc con cái. Thời gian gần đây, chị và anh Q không còn liên lạc, quan tâm đến nhau do anh Q luôn nghi ngờ và cho rằng chị sống không chung thủy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn vì mỗi người sống một nơi, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là N Q M, sinh ngày 04/9/2011 và N P T V, sinh ngày 15/8/2014, hiện đang ở với chị. Nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Q tại Hàn Quốc.

***- Bà V T P (là mẹ để anh Q) trình bày*:** Anh Q và chị L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã CĐ, huyện CG vào năm 2008. Sau kết hôn, chị L về sinh sống tại gia đình bà và anh chị tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc, hòa thuận. Sau đó anh Q đi lao động tại nước Nga từ năm 2011 đến năm 2014, còn chị L ở nhà đi làm công ty và chăm sóc con cái. Sau đó anh Q có mở quán bán hàng ăn, nhưng do anh Q có phần mải chơi, bỏ bê việc kinh doanh, kinh tế của vợ chồng sa sút dẫn đến mâu thuẫn, thỉnh thoảng xảy ra cãi chửi nhau. Do anh Q không có việc làm ổn định nên đã đi sang Hàn Quốc lao động từ năm 2019 cho đến nay chưa về nước. Nay chị L làm đơn ly hôn với anh Q là quyết định của anh chị ấy, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật. Sau khi bà nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho anh Q biết về việc chị L làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Qua trao đổi anh Q không cho biết địa chỉ cụ thể ở Hàn Quốc cho bà biết nên bà không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của anh Q cho Tòa án được, anh Q cũng không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án nhưng có quan điểm xác định vợ chồng ly thân đã lâu, mẫu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, không muốn chung sống với chị L nữa nên nhất trí ly hôn, đồng ý để chị L tiếp tục được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid-19, anh Q chưa thể về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại công văn số 2306/QLXNC-P5 ngày 27/01/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh N V Q, sinh ngày 23/01/1983, chứng minh nhân dân số 142226826, khai địa chỉ tại xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương; có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 10/3/2019 bằng hộ chiếu số C3371047 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị P T L được ly hôn anh N V Q; Về con chung: Xử giao chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung N Q M, sinh ngày 04/9/2011 và N P T V, sinh ngày 15/8/2014 cho đến khi con trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị P T L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

Anh N V Q là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, tuy nhiên anh Q vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị L cũng như bà V T P (mẹ đẻ anh Q) cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Q nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Q tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương vào ngày 31/01/2008. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận, sau đó năm 2011 anh Q đi lao động tại nước Nga đến năm 2014 về nước, còn chị L ở nhà đi làm công ty và nuôi con. Sau khi về nước, anh Q mở quán bán hàng nhưng không chịu làm ăn, kinh tế gia đình sa sút, dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến năm 2019, anh Q đi lao động tại Hàn Quốc, từ đó đến nay vợ chồng sống mỗi người một nơi, anh Q nghi ngờ chị L không chung thủy dẫn đến cãi nhau và cả hai đều không còn thương yêu, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L xác định vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Thông qua gia đình anh Q cũng xác định mẫu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị L được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là N Q M, sinh ngày 04/9/2011 và N P T V, sinh ngày 15/8/2014, hiện đang ở với chị L. Nguyện vọng của chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, tự nguyện không

yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con và cam kết có đủ điều kiện để nuôi con đến khi trưởng thành. Xét thấy chị L hiện đang nuôi dưỡng các con chung vẫn bảo đảm về mọi mặt, cuộc sống ổn định; anh Q hiện đang ở nước ngoài và cũng có quan điểm nhất trí để chị L tiếp tục được nuôi các con chung. Do vậy cần giao chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu M, cháu V và chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị L, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị P T L được ly hôn anh N V Q.

2. Về con chung: Giao chị P T L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là N Q M, sinh ngày 04/9/2011 và N P T V, sinh ngày 15/8/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị P T L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0005703 ngày 08/01/2021. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Q đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã CĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương (*để nghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mạc Minh Quang